TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2025/HS-PT
Ngày: 14/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 495/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Mạnh T về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Mạnh T, sinh ngày 18/01/1994, tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: tổ A, khối phố P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Q, sinh 1970 và bà Mai Thị L, sinh 1960; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: ngày 26/4/2019, bị Công an phường C, thành phố H xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đ về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2022. Hiện đanh chấp hành án, có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh T theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư Mai Thị T1 – Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Võ Duy T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Khối phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Võ Duy T2: Ông Phạm Công T3, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Võ Duy T2: Luật sư Trần Thị D – Công ty L2 và cộng sự chi nhánh Đ, vắng.

Ngân hàng TMCP Q2. Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lưu Trung T4. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q2.

- *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Mai Tiến D1, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q2. Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên vào năm 2020 và 2021, Lê Mạnh T đã thực hiện 02 vụ "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 01 vụ "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", cụ thể như sau:

1. Tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*":

*** Vụ thứ nhất**: Tháng 12/2020, do cần tiền để trả nợ, Lê Mạnh T nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của người khác. T nói dối chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 (sinh năm 1988, trú tại số B N, phường C, thành phố H) với nội dung: T đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vay số tiền 850.000.000 đồng tại Ngân hàng Q2 - Chi nhánh Đ, vì cần tiền để trả nợ nên T nhờ chị T5 cho mượn 850.000.000 đồng để tất toán khoản vay lấy GCNQSDĐ về và nhờ chị T5 tìm người nhận cầm cố GCNQSDĐ cho T vay 1.000.000.000 đồng để T trả lại cho chị T5 850.000.000 đồng. Chị T5 tin tưởng nên đã nhờ anh Lê Đức D2 (sinh năm 1987, trú khối P, phường S, H) tìm giúp người nhận cầm cố GCNQSDĐ cho T vay 1.000.000.000 đồng. Sau khi anh D2 thông báo lại cho chị T5 đã tìm được người đáp ứng nhu cầu như trên thì sáng ngày 18/01/2021, chị T5 và T hẹn gặp nhau tại quán C2 thuộc phường C, H. Tại đây, chị T5 nói sẽ cùng với T đến ngân hàng để chị T5 đưa tiền cho T trả ngân hàng nhưng Tình yêu cầu chị T5 chuyển khoản cho T để Tình tự đi làm thủ tục. Chị T5 đồng ý và sử dụng điện thoại thực hiện việc chuyển 850.000.000 đồng từ

số tài khoản 103000658465 ngân hàng Đại Chúng của chị T5 vào số tài khoản 1010131239999 ngân hàng Q2 của T (chị T5 đã chuyển tiền 03 lần vào tài khoản của T: 02 lần mỗi lần chuyển 300.000.000 đồng, 01 lần chuyển 250.000.000 đồng cùng ngày 18/01/2021.

Sau khi nhận được tiền, T nói với chị T5 là T sẽ đến Ủy ban nhân dân phường C xin giấy tờ để đến ngân hàng làm thủ tục, nhưng sau đó T cắt mọi liên lạc với chị T5 và T bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú. Tổng số tiền Lê Mạnh T lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 là 850.000.000 đồng.

Ngày 11/5/2022, Công an xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện Lê Mạnh T đang cư trú tại chùa H1. Qua kiểm tra thu giữ: 01 ví da trong ví da có 04 chứng minh nhân dân (CMND) và 02 thẻ ATM, trong 04 CMND trong đó có: 02 CMND mang tên Lê Mạnh T nhưng số CMND khác nhau và địa chỉ 02 CMND khác nhau (01 CMND nơi ĐKHKTT: thành phố H, Quảng Nam; 01 CMND nơi ĐKHKTT: Long An, Tiền Giang); 01 CMND mang tên Đinh Tấn C; 01 CMND mang tên Nguyễn Đức T6; 02 thẻ ATM; 01 thẻ ATM mang tên Lê Hoàng A, số thẻ 9704 050837516795, 01 thẻ ATM mang tên Mai Thị L, số thẻ: 9704 320845977299. Công an xã H, thành phố H đã tạm giữ, bàn giao Lê Mạnh T cho Công an tỉnh Q nhận. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q ra Lệnh bắt bị can Lê Mạnh T để tạm giam ngày 14/5/2022. [Các bút lục: 62, 63, 64-70].

* **Vụ thứ hai**: Khoảng cuối năm 2020, bà Mai Thị L (sinh năm 1960, hiện ở tại: Tổ F, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng) là mẹ ruột của Lê Mạnh T trao đổi với chị Ngô Thị Xuân H (sinh năm 1978, trú khối P, phường C, thành phố H) về việc muốn bán nhà và đất tại khối P, phường C, thành phố H để trả nợ cho T và nhờ chị H tìm người nào có nhu cầu mua thì giới thiệu giúp. Ngày 25/11/2020, gia đình bà L đã bán nhà và đất trên cho Nguyễn Võ Duy T2 (sinh ngày 25/11/1994, trú KP4, phường P, P, Bình Thuận) nhưng chị H không biết. Tháng 3/2021, biết chị Lương Thị T7 (sinh năm 1984, trú phường A, quận N, Đà Nẵng) có nhu cầu mua nhà và đất nên chị H giới thiệu cho chị T7 mua nhà và đất của gia đình bà L. Do không liên lạc được với vợ chồng bà L nên chị H gọi điện thoại trao đổi với T. T nói dối với chị H là gia đình T bán với giá 1.550.000.000 đồng. Thời điểm này T đang ở tỉnh Tiền Giang nên mọi trao đổi giữa T với chị T7 và chị H đều thông qua điện thoại. Sau khi trao đổi, T đồng ý bán cho chị T7 với giá 1.500.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Chị T7 đồng ý đặt cọc nhưng yêu cầu T viết giấy nhận tiền cọc với chị H. T bảo chị H chụp hình chữ ký của chị H gửi qua mạng xã hội zalo cho T xem. T viết giấy nhận đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng, ký giả chữ ký của chị H dưới mục người làm chứng trong giấy cọc rồi chụp hình gửi qua zalo cho chị H. Chị H liền chuyển hình giấy nhận đặt cọc này qua zalo cho chị T7 đang ở Quảng Ngãi theo yêu cầu của T. Ngày 28/4/2021, chị T7 chuyển 100.000.000 đồng cho T vào thẻ ATM số tài khoản số 1018711636, Ngân hàng S của Nguyễn Duy K (sinh năm 1990, trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang) (K là bạn bè nên ban đầu cho mượn thẻ ATM, mật khẩu để Tình sử dụng, thời gian sau K cho luôn thẻ ATM cho T sử dụng). Đầu tháng 5/2021, T tiếp tục gọi điện nói dối chị T7 là do đang

thế chấp thửa đất vay tiền ngân hàng nên yêu cầu chị T7 đặt cọc thêm 150.000.000 đồng để xóa thế chấp khoản vay lấy GCNQSDĐ về làm thủ tục chuyển nhượng, chị T7 cũng yêu cầu T viết giấy nhận cọc với chị H. Ngày 04/5/2021, T viết giấy nhận cọc số tiền 250.000.000 đồng hẹn gặp chị H tại quán cà phê ở phường C, H ký vào giấy nhận cọc. T giao cho bà H giữ giấy nhận đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng và giấy cọc thêm 150.000.000 đồng thành giấy nhận cọc tổng số tiền 250.000.000 đồng rồi đến nhà chị T7 để lấy tiền. Tại nhà chị T7, Tình yêu C1 chị T7 tăng số tiền đặt cọc lên 170.000.000 đồng. Chị T7 tiếp tục chuyển cho T 170.000.000 đồng bằng cách chuyển vào tài khoản của Nguyễn Duy K. T viết giấy nhận cọc của chị T7 tổng số tiền 270.000.000 đồng giao cho chị T7 giữ. (Do vậy giấy nhận cọc số tiền 250.000.000 đồng không thực hiện nên hủy bỏ, vì Tình yêu C1 chuyển thêm 170,000,000 đồng chứ không phải chuyển 150.000.000 đồng). Ngày 10/5/2021, T tiếp tục gọi điện thoại nói dối chị T7 là do trả tiền vay trước hạn nên bị ngân hàng phạt và yêu cầu chị T7 chuyển thêm 50.000.000 đồng tiền cọc nữa nhưng chị T7 chỉ đồng ý chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Duy K cho T. Tuy nhiên, khi đến ngày hẹn gặp nhau làm thủ tục chuyển nhượng, T cắt mọi liên lạc với chị T7. Như vậy, Lê Mạnh T đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Lương Thị T7 tổng số tiền 300.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Mạnh T đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoat của chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 và chị Lương Thị T7 tổng số tiền 1.150.000.000 đồng (trong đó: chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 số tiền 850.000.000 đồng, chị Lương Thị T7 số tiền 300.000.000 đồng).

2. Tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*":

Tháng 6 năm 2017, bà Trần Thị V (sinh năm 1973, trú tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) có nhờ Lê Mạnh T cho mượn 17.000.000 đồng để trả tiền vay ngân hàng rút GCNQSDĐ ra mà vợ chồng bà V đã vay trước đó (thế chấp bằng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2; địa chỉ: khối P (nay là Tổ G, khối P) phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của vợ chồng bà V). Qua bàn bạc giữa bà V và T thống nhất là T sẽ cho bà V mượn 170.000.000 đồng tất toán khoản vay ngân hàng lấy GCNQSDĐ về cho T mượn để Tình thế chấp ngân hàng vay tiền làm vốn kinh doanh trong thời hạn 06 tháng sẽ trả lại. Việc cho mượn GCNQSDĐ được thực hiện bằng cách vợ chồng bà V cùng với T ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ từ vợ chồng bà V cho T và hai bên ký kết văn bản thỏa thuận trong vòng 06 tháng; T sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng bà V. Sau khi thống nhất, giữa T với vợ chồng bà V đã tiến hành thực hiện theo như trao đổi. Ngày 28/12/2017, vợ chồng bà V cùng T ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và văn bản thỏa thuận, được công chứng tại Văn phòng C3 (địa chỉ A L, thành phố H, tỉnh Quảng Nam). Ngày 03/01/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H công nhận thửa đất trên chuyển nhượng cho ông Lê Mạnh T. Ngày 15/01/2018, T cùng bà V đến ngân hàng A1 - Chi nhánh H2, tại đây Tình thế chấp GCNQSDĐ trên để vay 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm. Bà V hỏi tại sao vay thời hạn 03 năm, thì T nói là trong vòng 06 tháng T sẽ bán đất của T trả tiền cho ngân hàng lấy GCNQSDĐ về làm thủ tục chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà V thì bà V đồng

ý. Quá thời hạn 06 tháng, bà V yêu cầu T làm thủ tục chuyển nhượng lại nhưng T nhiều lần hứa hẹn khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho ngân hàng lấy GCNQSDĐ về làm thủ tục chuyển nhượng lại. Ngày 01/10/2020, T tất toán khoản vay ngân hàng lấy GCNQSDĐ về nhưng không nói vợ chồng bà V không biết.

Sau khi lấy GCNQSDĐ của thửa đất số 314 từ ngân hàng, T nảy sinh ý định bán thửa đất này để lấy tiền trả nợ nên T đã dẫn anh Nguyễn Võ Duy T2 đến nhà bà V xem thửa đất để bán cho anh T2. Khi dẫn T2 đến xem đất, T lại nói dối với bà V là nhân viên ngân hàng đến xem thẩm định để cho vay; T cũng nói dối với anh T2 là thửa đất này do chủ nhà thiếu nợ nên đã bán cho T, hiện Tình vẫn cho họ ở nhờ, khi anh T2 mua thì T sẽ bảo họ dọn đi. Anh Nguyễn Duy T2 tin tưởng nên đồng ý mua với giá 1.500.000.000 đồng. Ngày 24/11/2020 T và anh T2 ký hợp đồng chuyển nhượng, được công chứng tại Văn phòng C4, thành phố H. Ngày 25/11/2020, thửa đất trên được Chi nhánh Văn phòng Đ công nhận chuyển nhượng cho anh T2. Hiện nay, anh T2 thế chấp QSDĐ của thửa đất trên tại ngân hàng TMCP Q2 chi nhánh Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận: Giá trị của thửa đất số 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2; địa chỉ: khối P (nay là Tổ G, khối P) phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam vào thời điểm tháng 11 năm 2020 là 574.800.000 đồng.

Lê Mạnh T ký hợp đồng chuyển nhượng lô đất của vợ chồng bà V nhưng sau khi lấy thế chấp từ ngân hàng để tự ý chuyển nhượng cho anh T2 số tiền 1.500.000.000 đồng. Hành vi trên của Lê Mạnh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

* Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 (một) giấy nhận đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng đề ngày 28/4/2021;

- 01 (một) giấy nhận đặt cọc số tiền 250.000.000 đồng đề ngày 04/5/2021;

- 01 (một) giấy nhận đặt cọc số tiền 270.000.000 đồng đề ngày 04/5/2021.

* Về vấn đề dân sự: Bị cáo Lê Mạnh T đã tác động gia đình nộp cho cơ quan thi hành án dân sự số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-P2 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Lê Mạnh Tình về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2023/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Mạnh T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Mạnh T 10 (mười) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Mạnh T 08 (tám) năm tùvề tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

- Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Mạnh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 14/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tuyên:

- Buộc bị cáo Lê Mạnh T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Vũ Nguyệt T5 số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Mạnh T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lương Thị T7 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Lê Mạnh T phải bồi thường cho 02 bị hại trên là 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại Nguyễn Vũ Nguyệt T5, Lương Thị T7 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lê Mạnh T không thi hành số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2017 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị V với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Mạnh T (được Văn phòng C3 công chứng số 03469 ngày 28/12/2017) đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V ngày 26/11/2008).

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/11/2020 giữa bên chuyển nhượng là ông Lê Mạnh T với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Võ Duy T2 (được Văn phòng C4 công chứng số 03779 ngày 24/11/2020)

đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã được điều chỉnh biến động sang tên ông Lê Mạnh T ngày 03/01/2018).

- Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 187243.20.307.8589128.BĐ ngày 26/11/2020 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Võ Duy T2 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q2, được Văn phòng C4 ngày 26/11/2020 và Văn bản sửa đổi/bổ sung (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 187243.20.307.8589128.BĐ, số công chứng 03831, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020) ngày 22/11/2021, được Văn phòng C4 công chứng số 04517 ngày 22/11/2021, đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã được điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Võ Duy T2 ngày 25/11/2020.

- Đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, khôi phục lại quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V như tình trạng ban đầu theo quy định của pháp luật, cụ thể: Giấy CNQSDĐ do UBND thành phố H cấp số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V ngày 26/11/2008.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm có tuyên về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng M có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Ngày 26/8/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Võ Duy T2 có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Mạnh T không kháng cáo. Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật về phần hình sự. Trong thời hạn luật định: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 (gọi tắt là M1) kháng cáo cho rằng Tòa án tuyên bị cáo T phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản tuy nhiên quyền sử dụng đất không bị chiếm đoạt mà ông Y, bà V vẫn quản lý sử dụng; tuyên huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Y và V cho T là không đúng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Võ Duy T2 cho rằng Toà án cấp sơ thẩm huỷ bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T2 và bị cáo Lê Mạnh T là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Mạnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm quy kết.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 12/2020, do cần tiền để trả nợ nên Lê Mạnh T đã nói dối với chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 là T đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại Ngân hàng, vì cần tiền trả nợ nên nhờ chị T5 cho mượn tiền để T tất toán khoản vay và lấy GCNQSDĐ về; chị T5 tin tưởng nên đã cho T mượn số tiền 850.000.000 đồng; sau khi nhận tiền, T cắt đứt mọi liên lạc với chị T5, bỏ đi khỏi nơi cư trú, chiếm đoạt số tiền trên. Ngày 25/11/2020 bà Mai Thị L (là mẹ của bị cáo T) đã bán nhà và đất của bà L tại khối P, phường C, thành phố H cho anh Nguyễn Võ Duy T2; nhưng đến tháng 3/2021, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối, lừa bán nhà và đất nêu trên của bà L cho bà Lương Thị T7 để chiếm đoạt của bà T7 số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 6/2017, vợ chồng bà Trần Thị V có thoả thuận cho bị cáo T mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 34, diện tích 95,8m^2 *(mục đích Lê Mạnh T mượn để thế chấp ngân hàng vay tiền làm vốn kinh doanh)* và hai bên có ký cam kết trong thời hạn 06 tháng, T sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng bà V; tuy nhiên, sau khi tất toán khoản vay ngân hàng lấy GCNQSDĐ về nhưng T không nói vợ chồng bà V biết và cũng không làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất lại cho vợ chồng bà V mà lại nảy sinh ý định bán thửa đất này để lấy tiền trả nợ nên đã tự ý chuyển nhượng cho anh Nguyễn Võ Duy T2 số tiền 1.500.000.000 đồng; khi chuyển nhượng, T nói dối anh T2 là thửa đất này do chủ nhà thiếu nợ nên đã bán cho T, khi T2 mua thì T sẽ bảo họ dọn đi; anh T2 tin tưởng thửa đất đó thuộc quyền sở hữu của T nên đã đồng ý mua. Ngày 24/11/2020 T và anh T2 ký hợp đồng chuyển nhượng, được công chứng tại Văn phòng C4, thành phố H. Ngày 25/11/2020, thửa đất trên được Chi nhánh Văn phòng Đ công nhận chuyển nhượng cho anh T2.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Nguyễn Vũ Nguyệt T5 số tiền 850.000.000 đồng, chị Lương Thị T7 số tiền 300.000.000 đồng nêu trên của bị cáo Lê Mạnh T đã đủ các yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; hành vi lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt của vợ chồng bà Trần Thị V thửa đất số 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 (địa chỉ: tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) bán cho anh T2 chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đaotj tài sản" và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 4 Điều 174 và Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng M1 cho rằng Toà tuyên phạt bị cáo Lê Mạnh T tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tuy nhiên quyền sử dụng đất không bị chiếm đoạt mà ông Y, bà V vẫn quản lý sử dung. Như trên đã phân tích, bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là chiếm đoạt giá trị quyền sử dụng đất thông qua các hợp đồng chuyển nhượng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Bị hại bà Trần Thị V yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên hủy các giao dịch trái pháp luật mà bị cáo Lê Mạnh T và những người có liên quan đã thực hiện đối với thửa đất số 314, tờ bản đồ số 34, diện tích 95,8m^2 tại khối P, phường C, thành phố H để trả lại quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng bà.

Xét thấy, vào tháng 6/2017, vợ chồng bà V có thỏa thuận cho bị cáo T mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà để Tình thế chấp ngân hàng vay vốn kinh doanh trong thời hạn 06 tháng. Việc mượn Giấy CNQSDĐ dưới hình thức 02 bên lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m^2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đứng tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V chuyển nhượng cho bị cáo Lê Mạnh T, đồng thời hai bên có ký cam kết trong thời hạn 06 tháng, T sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất trên cho vợ chồng bà V. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên là giả tạo, trên thực tế hai bên không thực hiện việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau khi tất toán khoản vay lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, T đã không lập thủ tục chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà V như đã cam kết mà lén lút chuyển nhượng cho anh Nguyễn Võ Duy T2 với số tiền 1.500.000.000 đồng để chiếm đoạt. Vì đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà V nên mọi giao dịch liên quan đến thửa đất trên phải được trao đổi, hỏi ý kiến với vợ chồng bà V. Bị cáo T lợi dụng việc mình đứng tên trên Giấy CNQSDĐ đã lén lút bán thửa đất trên cho ông Nguyễn Võ Duy T2 mà không thông báo cho vợ chồng bà V biết và không có sự đồng ý của vợ chồng bà V nên các giao dịch này là trái pháp luật. Tại phiên toà bị hại bà V yêu cầu hủy bỏ các giao dịch này, xét thấy thửa đất mà vợ chồng bà V chuyển nhượng cho bị cáo T là tang vật phạm tội, các giao dịch liên quan làm điều chỉnh biến động đối với thửa đất này là bất hợp pháp, trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của bị hại, hủy bỏ các giao dịch trên để khôi phục lại tình trạng ban đầu trả lại cho bị hại nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị hại và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bị cáo Lê Mạnh T, ông Nguyễn Võ Duy T2 đã thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng TMCP Q2 - Chi nhánh Đ (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

187243.20.307.8589128.BĐ) để vay tiền tại ngân hàng, hiện tại thửa đất trên vẫn còn đang thế chấp tại ngân hàng.

Mặc dù ông Nguyễn Võ Duy T2 mua thửa đất trên từ bị cáo T là ngay tình nhưng do bị cáo T thực hiện giao dịch chuyển nhượng bất hợp pháp nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này không có hiệu lực pháp luật cần hủy bỏ. Đối với Ngân hàng TMCP Q2 nhận tài sản thế chấp thửa đất trên là ngay tình, đảm bảo các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng tài sản này hình thành từ các giao dịch trái pháp luật và đã bị hủy bỏ nên hợp đồng thế chấp này cũng bị hủy bỏ.

Đối với các quyền lợi phát sinh của ông Nguyễn Võ Duy T2, Ngân hàng TMCP Q2 khi huỷ bỏ các giao dịch có liên quan đến thửa đất trên sẽ được Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích, lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở, do đó không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo về phần dân sự phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Toà án.

Ông Võ Duy T2 và Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 (MB) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phần dân sự nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục để đương sự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 và kháng cáo của ông Nguyễn Võ Duy T2, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tuyên:

- Buộc bị cáo Lê Mạnh T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Vũ Nguyệt T5 số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Lê Mạnh T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lương Thị T7 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Lê Mạnh T phải bồi thường cho 02 bị hại trên là 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại Nguyễn Vũ Nguyệt T5, Lương Thị T7 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lê Mạnh T không thi hành số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/12/2017 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Y, bà Trần Thị V với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Mạnh T (được Văn phòng C3 công chứng số 03469 ngày 28/12/2017) đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V ngày 26/11/2008).

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/11/2020 giữa bên chuyển nhượng là ông Lê Mạnh T với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Võ Duy T2 (được Văn phòng C4 công chứng số 03779 ngày 24/11/2020) đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã được điều chỉnh biến động sang tên ông Lê Mạnh T ngày 03/01/2018).

-Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 187243.20.307.8589128.BĐ ngày 26/11/2020 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Võ Duy T2 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q2, được Văn phòng C4 ngày 26/11/2020 và Văn bản sửa đổi/bổ sung (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 187243.20.307.8589128.BĐ, số công chứng 03831, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/11/2020) ngày 22/11/2021, được Văn phòng C4 công chứng số 04517 ngày 22/11/2021, đối với thửa đất số: 314; tờ bản đồ số: 34; diện tích: 95,8m2 tại khối P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã được UBND thành phố H cấp Giấy CNQSDĐ ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã được điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Võ Duy T2 ngày 25/11/2020.

- Đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, khôi phục lại quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V như tình trạng ban đầu theo quy định của pháp luật, cụ thể: Giấy CNQSDĐ do UBND thành phố H cấp số AK 957493 ngày 12/01/2008 đứng tên ông Huỳnh Q1 và bà Lê Thị D3, đã điều chỉnh biến động sang tên ông Nguyễn Văn Y và bà Trần Thị V ngày 26/11/2008.

Về án phí phúc thẩm dân sự: Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

Ông Nguyễn Võ Duy T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Cường